

Số: 367/2021/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu, vùng nước đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh
HTH-21-2021

Vùng biển : Hà Tĩnh

Tên luồng : Luồng Sơn Dương FORMOSA Hà Tĩnh

Căn cứ Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 2111168/CV-FHS ngày 24/11/2021 của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh;

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc thông báo thông số kỹ thuật của luồng tàu, vùng quay tàu, vùng nước đậu tàu, vùng nước trước các bến và vùng nước kênh tàu dịch vụ cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Luồng tàu:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải độ sâu đạt: 18.8m (mười tám mét tám).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu từ 17.8m đến 18.7m, nằm về phía biên phải luồng, có chiều dài khoảng 1500m, từ hạ lưu phao số 13 khoảng 320m đến thượng lưu phao số 15 khoảng 350m. Khu vực rộng nhất lấn vào luồng khoảng 90m;

2. Vùng quay tàu:

Trong phạm vi vùng quay tàu bán kính quay trở 450m, tâm vùng quay có tọa độ:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
18°03'40.3"	106°26'41.6"	18°03'36.7"	106°26'48.3"

Độ sâu đạt: 20.3m (hai mươi mét ba).

3. Vùng nước đậu tàu:

3.1. Bến W1

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-1	18°03'05.3"	106°26'19.1"	18°03'01.7"	106°26'25.8"
W1-2	18°03'04.6"	106°26'17.6"	18°03'01.0"	106°26'24.3"
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"

Độ sâu đạt: 14.1m (mười bốn mét một).

3.2. Bến W2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-3	18°03'12.1"	106°26'13.6"	18°03'08.5"	106°26'20.3"
W1-4	18°03'12.9"	106°26'15.1"	18°03'09.2"	106°26'21.8"
W3-1	18°03'19.2"	106°26'09.9"	18°03'15.6"	106°26'16.6"
W3-2	18°03'20.0"	106°26'11.4"	18°03'16.4"	106°26'18.1"

Độ sâu đạt: 14.2m (mười bốn mét hai).

3.3. Bến W6:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-1	18°03'37.8"	106°26'06.8"	18°03'34.2"	106°26'13.5"
W6-2	18°03'39.3"	106°26'06.0"	18°03'35.6"	106°26'12.7"
W6-3	18°03'41.5"	106°26'10.7"	18°03'37.9"	106°26'17.4"
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

3.4. Bến W8:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W8-1	18°03'35.2"	106°26'01.4"	18°03'31.6"	106°26'08.1"
W8-2	18°03'36.0"	106°26'03.0"	18°03'32.4"	106°26'09.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu đạt: 9.9m (chín mét chín).

3.5. Bến W9:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
W9-1	18°03'40.3"	106°25'58.8"	18°03'36.7"	106°26'05.4"
W9-2	18°03'41.0"	106°26'00.3"	18°03'37.4"	106°26'06.9"

Độ sâu đạt: 10.0m (mười mét).

Lưu ý: Khu vực tuyến mép bến tồn tại các điểm cạn có độ sâu 9.8m, tại các vị trí có tọa độ:

TT	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	18°03'44.5"	106°25'56.6"	18°03'40.9"	106°26'03.2"
2	18°03'42.1"	106°25'57.9"	18°03'38.4"	106°26'04.5"

3.6. Bến W10:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A1	18°03'44.8"	106°25'56.4"	18°03'41.2"	106°26'03.1"
A2	18°03'45.5"	106°25'57.9"	18°03'41.9"	106°26'04.6"
A3	18°03'50.0"	106°25'55.5"	18°03'46.4"	106°26'02.2"
A4	18°03'49.3"	106°25'54.0"	18°03'45.7"	106°26'00.7"

Độ sâu đạt: 9.8m (chín mét tám).

3.7. Bến S1:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S1-1	18°03'06.2"	106°26'21.0"	18°03'02.6"	106°26'27.7"
S1-2	18°03'07.7"	106°26'20.2"	18°03'04.1"	106°26'26.9"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.0"	18°03'07.9"	106°26'38.7"

Độ sâu đạt: 20.6m (hai mươi mét sáu).

3.8. Bến S2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S2-1	18°03'11.5"	106°26'32.1"	18°03'07.9"	106°26'38.7"
S2-2	18°03'13.0"	106°26'31.3"	18°03'09.4"	106°26'38.0"
S2-3	18°03'18.3"	106°26'42.4"	18°03'14.7"	106°26'49.1"
S2-4	18°03'16.9"	106°26'43.1"	18°03'13.3"	106°26'49.8"

Độ sâu đạt: 19.6m (mười chín mét sáu).

3.9. Bến S3:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
S3-1	18°03'23.0"	106°26'55.7"	18°03'19.4"	106°27'02.4"
S3-2	18°03'24.4"	106°26'55.0"	18°03'20.8"	106°27'01.6"
S2-3	18°03'18.3"	106°26'42.4"	18°03'14.7"	106°26'49.0"
S2-4	18°03'16.9"	106°26'43.1"	18°03'13.3"	106°26'49.8"

Độ sâu đạt: 21.0m (hai mươi một mét).

3.10. Bến A2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến A2 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
A2-1	18°03'36.3"	106°26'13.5"	18°03'32.7"	106°26'20.2"
A2-2	18°03'34.0"	106°26'08.8"	18°03'30.4"	106°26'15.4"
A2-3	18°03'34.8"	106°26'08.3"	18°03'31.2"	106°26'15.0"
A2-4	18°03'37.1"	106°26'13.1"	18°03'33.5"	106°26'19.7"

Độ sâu đạt: 10.6m (mười mét sáu).

3.11. Bến N2:

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
N2-1	18°04'01.7"	106°26'06.9"	18°03'58.1"	106°26'13.6"
N2-2	18°04'00.3"	106°26'07.7"	18°03'56.6"	106°26'14.4"
N2-3	18°03'58.0"	106°26'03.0"	18°03'54.4"	106°26'09.7"
N2-4	18°03'59.4"	106°26'02.2"	18°03'55.8"	106°26'08.9"

Độ sâu đạt: 9.5m (chín mét rưỡi).

4. Vùng nước trước các bến S1, S2, S3 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VQ2	18°03'35.7"	106°26'27.1"	18°03'32.1"	106°26'33.8"
W3-6	18°03'31.3"	106°26'17.9"	18°03'27.7"	106°26'24.6"
W3-5	18°03'22.7"	106°26'17.0"	18°03'19.1"	106°26'23.7"
W1-5	18°03'14.2"	106°26'18.0"	18°03'10.6"	106°26'24.7"
S1-2	18°03'07.7"	106°26'20.2"	18°03'04.1"	106°26'26.9"
S3-3	18°03'26.6"	106°26'59.5"	18°03'23.0"	106°27'06.2"
VQ3	18°03'34.2"	106°26'55.5"	18°03'30.6"	106°27'02.2"

Độ sâu đạt: 19.6m (mười chín mét sáu).

5. Vùng nước trước các bến W1, W2, W3, W4, W5 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W1-1	18°03'05.3"	106°26'19.1"	18°03'01.7"	106°26'25.8"
W3-3	18°03'26.5"	106°26'08.0"	18°03'22.9"	106°26'14.6"
W3-6	18°03'31.3"	106°26'17.9"	18°03'27.7"	106°26'24.6"
W3-5	18°03'22.7"	106°26'17.0"	18°03'19.1"	106°26'23.7"
W1-5	18°03'14.2"	106°26'18.0"	18°03'10.6"	106°26'24.7"
S1-1	18°03'06.2"	106°26'21.0"	18°03'02.6"	106°26'27.7"

Độ sâu đạt: 14.2m (mười bốn mét hai).

6. Vùng nước trước các bến A1, A2 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"
W6-5	18°03'40.0"	106°26'26.3"	18°03'36.4"	106°26'33.0"
VQ2	18°03'35.7"	106°26'27.1"	18°03'32.1"	106°26'33.8"
W5-3	18°03'30.6"	106°26'16.5"	18°03'27.0"	106°26'23.1"

Độ sâu đạt: 9.6m (chín mét sáu).

7. Vùng nước từ trước các bến W6, W7, W8, W9, W10, N2 đến vùng quay tàu

Trong phạm vi vùng nước trước bến được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
W6-6	18°03'48.2"	106°26'28.7"	18°03'44.5"	106°26'35.4"
N2-2	18°04'00.3"	106°26'07.7"	18°03'56.6"	106°26'14.4"
N2-3	18°03'58.0"	106°26'03.0"	18°03'54.4"	106°26'09.7"
A6	18°03'51.9"	106°25'59.4"	18°03'48.3"	106°26'06.0"
A3	18°03'50.0"	106°25'55.5"	18°03'46.4"	106°26'02.2"
W8-3	18°03'37.4"	106°26'02.2"	18°03'33.8"	106°26'08.9"
W6-3	18°03'41.5"	106°26'10.7"	18°03'37.9"	106°26'17.4"
W6-4	18°03'40.1"	106°26'11.5"	18°03'36.4"	106°26'18.1"
W6-5	18°03'40.0"	106°26'26.3"	18°03'36.4"	106°26'33.0"

Độ sâu đạt: 9.4m (chín mét tư).

8. Vùng nước kênh tàu dịch vụ:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
T14	18°03'50.2"	106°25'53.5"	18°03'46.6"	106°26'00.2"

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
T27	18°03'48.9"	106°25'50.8"	18°03'45.3"	106°25'57.5"
T28	18°03'44.2"	106°25'53.3"	18°03'40.6"	106°26'00.0"
T29	18°03'42.1"	106°25'49.0"	18°03'38.5"	106°25'55.7"
T30	18°03'50.9"	106°25'44.4"	18°03'47.2"	106°25'51.1"
T31	18°03'53.9"	106°25'50.8"	18°03'50.3"	106°25'57.4"
T32	18°03'52.0"	106°25'51.7"	18°03'48.4"	106°25'58.4"
T33	18°03'52.4"	106°25'52.4"	18°03'48.8"	106°25'59.1"

Độ sâu đạt: 5.8m (năm mét tám).

Lưu ý: Dải cạn tại khu vực điểm T31 có độ sâu từ 4.2m đến 5.7m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 30m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy hoạt động trên tuyến luồng vào cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh đi đúng tuyến luồng theo các báo hiệu hàng hải dẫn luồng và lưu ý các dải cạn, điểm cạn nói trên.

Ghi chú:

- **Hải đồ cần cập nhật VN40015, V14S0015, VN30007, V1300007, VN30008, V1300008;**
- **Truy cập bản tin Thông báo hàng hải điện tử tại địa chỉ <http://www.vms-north.vn>.**



Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Vụ ATGT - Bộ GTVT;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Cục Hàng hải Việt Nam (kèm theo bình đồ);
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
 - + Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC);
 - + Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (PVEP);
 - + Tổng công ty CP vận tải dầu khí (PVTrans);
 - + Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsopetro (VSP);
- Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải Hà Tĩnh (kèm theo bình đồ);

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phúc Chính

- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài duyên hải);
- Phòng Cảnh sát giao thông thủy - Công an Nghệ An;
- Sở Giao thông vận tải Nghệ An;
- Đại lý hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng);
- Đại lý hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn);
- Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO);
- Công ty Vận tải biển III (VINASHIP);
- Công ty Vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển;
- Công ty Vận tải xăng dầu VIPCO;
- Công ty vận tải dầu khí Việt Nam;
- Công ty Vận tải biển Hà Nội;
- Công ty Vận tải biển Sài Gòn;
- Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (VITRANCHART);
- Công ty Vận tải và thuê tàu VIETFRACH (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần vận tải và thương mại (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần đại lý vận tải SAFI (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần vận tải sản phẩm khí Quốc tế;
- Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc:
 - + Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VI (kèm theo bình đồ);
 - + Công ty BĐATHH Bắc Trung Bộ;
 - + Xí nghiệp Khảo sát BĐATHH miền Bắc;
 - + Phòng KTKH, HTQT;
 - + Lưu VP, BĐATHH.